

Bản án số: 1262/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 12-07-2022.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Phú,
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 230/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **H.T.T.**, sinh năm 1975,

Thường trú: cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà **N.T.T.T.**, sinh năm 1983,

Thường trú: cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: BDT, Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn ông H.T.T. trình bày:*

Ông và bà N.T.T.T. tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh ngày 04/06/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại cư xá Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về việc nuôi dạy con chung, chăm sóc gia đình. Ông và bà Thảo ly thân từ năm 2016, bà N.T.T.T. về sống tại địa chỉ BDT Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian ly thân, vợ chồng ông có gặp nhau để hoà giải vấn đề hôn nhân nhưng không thành. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên ông đề nghị ly hôn bà N.T.T.T..

Về con chung: Có một con chung tên H.T.K., sinh ngày 22/11/2003. Con chung đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà N.T.T.T.:*

Bị đơn bà N.T.T.T. đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 05/05/2022 và ngày 13/05/2022 nhưng bà N.T.T.T. không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình mặc dù bà N.T.T.T. là người nhận trực tiếp các văn bản tố tụng. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà N.T.T.T..

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Nguyên đơn ông H.T.T. khởi kiện yêu cầu ly hôn bà N.T.T.T., trú tại quận Bình Thạnh, được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông H.T.T. ly hôn bà N.T.T.T. và ông Tuấn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét ông H.T.T. khởi kiện yêu cầu ly hôn bà N.T.T.T., cư trú tại 354/5 Bùi Đình Túy, Phường 12, quận Bình Thạnh phù hợp với kết quả xác minh của Công an Phường 12, quận Bình Thạnh đối với Quyết định số 239/2022/QĐ-CCTLCC ngày 01/03/2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Xét bị đơn bà N.T.T.T. vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập hợp lần thứ hai mà không có lý do và cũng không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà N.T.T.T..

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 106 quyển số 01/2022 ngày 04 tháng 06 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà N.T.T.T. và ông H.T.T. là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giải thích, hòa giải, động viên ông H.T.T. đoàn tụ gia đình để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng ông H.T.T. vẫn giữ nguyên yêu cầu vì vợ chồng ông không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và vợ chồng ông cũng đã ly thân, bà N.T.T.T. đã về ở nhà mẹ ruột từ năm 2015. Đối với bị đơn bà N.T.T.T., Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như đề bà N.T.T.T. thực hiện quyền tranh tụng nhưng bà N.T.T.T. đã không tham gia, cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với khởi kiện của ông H.T.T.. Điều này cho thấy bà N.T.T.T. đã bỏ mặc, không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa bà N.T.T.T. và ông H.T.T., không có ý định hòa giải đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng cần thiết để bà N.T.T.T. thực hiện quyền tranh tụng cũng như thể hiện ý chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N.T.T.T. đã không có bất kỳ ý kiến gì, cũng không có mặt theo triệu tập. Điều này xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N.T.T.T. và ông H.T.T. đã tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn hạnh phúc, quan hệ hôn nhân không đạt được mục đích theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không thể kéo dài. Căn

cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của ông H.T.T. về việc ly hôn bà N.T.T.T. là có cơ sở để chấp nhận, đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về con chung:

Theo trình bày của nguyên đơn ông H.T.T. tại đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, ông H.T.T. và bà N.T.T.T. có một con chung tên H.T.K., sinh ngày 22/11/2003. Con chung của bà N.T.T.T. và ông H.T.T. đã trưởng thành và hiện đang học tại trường Đại học Văn Lang, ông H.T.T. không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Không có đương sự nào yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của ông H.T.T. và bà N.T.T.T. nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn ông H.T.T. phải chịu án phí giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông H.T.T. ly hôn bà N.T.T.T..
2. Về con chung: Có một con chung tên H.T.K., sinh ngày 22/11/2003 đã trưởng thành.
3. Về tài sản chung: Không có đương sự nào yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông H.T.T. phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000464 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H.T.T. đã nộp đủ án phí.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh
(để thi hành);
- UBND Phường 12, Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân